

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi có 4 trang)

MÃ ĐỀ: 906

- Câu 1.** Khi cập nhật dữ liệu vào bảng, ta không thể để trống trường nào sau đây?  
A. Tất cả các trường của bảng. B. Trường số thứ tự.  
C. Khóa và khóa chính. D. Khóa chính.
- Câu 2.** Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc các bảng bao gồm những thành phần nào:  
A. Gồm các hàng. B. Gồm các hàng và cột.  
C. Chỉ có cột. D. Chỉ có hàng.
- Câu 3.** Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường: STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là:  
A. Họ tên học sinh. B. Phòng thi. C. STT. D. Số báo danh.
- Câu 4.** Phát biểu nào *sai* trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?  
A. Mỗi bảng có ít nhất một khoá.  
B. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu.  
C. Một bảng có thể có nhiều khoá chính.  
D. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất
- Câu 5.** Khi cần in dữ liệu theo một mẫu cho trước, cần sử dụng đối tượng nào?  
A. Mẫu hỏi. B. Biểu mẫu. C. Báo cáo. D. Bảng.
- Câu 6.** Về mặt cấu trúc, dữ liệu được thể hiện trong đối tượng nào sau đây?  
A. Record. B. Field. C. Table. D. Report.
- Câu 7.** Chọn phát biểu *sai* trong các phát biểu sau?  
A. Báo cáo tạo bằng thuật sĩ đạt yêu cầu về hình thức.  
B. Có thể định dạng kiểu chữ, cỡ chữ cho các tiêu đề và dữ liệu trong báo cáo.  
C. Lưu báo cáo để sử dụng nhiều lần.  
D. Có thể chèn hình ảnh cho báo cáo thêm sinh động.
- Câu 8.** Cho các bảng sau :  
- **DanhMucSach**(MaSach, TenSach, MaLoai)  
- **LoaiSach**(MaLoai, LoaiSach)  
- **HoaDon**(MaSach, SoLuong, DonGia)  
Để biết *giá của một quyển sách* thì cần những bảng nào ?  
A. DanhMucSach, LoaiSach. B. HoaDon, LoaiSach.  
C. DanhMucSach, HoaDon. D. HoaDon.
- Câu 9.** Thuật ngữ “thuộc tính” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?  
A. Bảng. B. Cột.  
C. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính. D. Hàng.
- Câu 10.** Mô hình DLQH được E.F. Codd đề xuất vào năm nào?  
A. 1970. B. 1972. C. 1973. D. 1971.
- Câu 11.** Cơ sở dữ liệu quan hệ **không** thể dùng để làm gì?  
A. Cập nhật CSDL. B. Khai thác CSDL. C. Tạo lập CSDL. D. Xử lý CSDL.
- Câu 12.** Để tạo nhanh một báo cáo, thường chọn cách nào trong các cách dưới đây:  
A. Người dùng tự thiết kế.  
B. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo.  
C. Chỉ dùng thuật sĩ.  
D. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo và sau đó sửa đổi thiết kế báo cáo.
- Câu 13.** Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?  
A. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ.  
B. Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu.

C. Phần mềm Microsoft Access.

D. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ.

**Câu 14.** Giả sử bảng HOCSINH gồm có các trường MAHS, HOTEN, DIEM. LOP. Muốn tính điểm trung bình của mỗi lớp, trong Access ta sử dụng đối tượng nào trong các đối tượng sau?

A. Queries. B. Forms. C. Tables. D. Reports.

**Câu 15.** Đối tượng nào sau đây **không** thể cập nhật dữ liệu?

A. Báo cáo. B. Mẫu hỏi, báo cáo. C. Bảng, biểu mẫu. D. Bảng.

**Câu 16.** Khi dùng thuật sĩ để tạo báo cáo ta chọn lệnh nào trong các lệnh sau:

A. Create report in design view. B. Create report by using wizard.

C. Create query by using wizard. D. Create query in design view.

**Câu 17.** Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :

A. Thuộc tính khóa. B. Tên trường.

C. Thuộc tính của trường. D. Địa chỉ của các bảng.

**Câu 18.** Các khái niệm nào **không** dùng để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?


A. Dữ liệu trong bảng.

B. Cấu trúc dữ liệu.

C. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu.

D. Các ràng buộc dữ liệu.

**Câu 19.** Khi muốn sửa đổi thiết kế báo cáo, ta chọn báo cáo rồi nhấp nút:

A.  Preview

B. 

C. 

D.  Design

**Câu 20.** Thuật ngữ “quan hệ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

A. Cột.

B. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính.

C. Bảng.

D. Hàng.

**Câu 21.** Báo cáo thường được sử dụng để làm gì?

A. Thể hiện được sự so sánh từ các nhóm dữ liệu.

B. Trình bày nội dung văn bản theo mẫu quy định.

C. Tất cả các ý còn lại.

D. Tổng hợp thông tin từ các nhóm dữ liệu.

**Câu 22.** Đặc điểm nào sau đây **không** là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

A. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp.

B. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng.

C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng.

D. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau.

**Câu 23.** Khi báo cáo đang ở chế độ thiết kế, có thể nhấp nút nào để xem kết quả của báo cáo?

A. 

B. 

C.  Design

D.  Preview

**Câu 24.** Khẳng định nào là **sai** khi nói về khoá?

A. Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá.

B. Khoá là tập hợp các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể.

C. Khoá phải là các trường STT.

D. Khoá là tập hợp các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể.

**Câu 25.** Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

A. Cột.

B. Hàng.

C. Bảng.

D. Kiểu dữ liệu.

**Câu 26.** Để tạo một báo cáo, cần trả lời các câu hỏi gì?

A. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào? Hình thức báo cáo như thế nào?

B. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào?

C. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào? Tạo báo cáo bằng cách nào?

D. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo?

**Câu 27.** Thuật ngữ “miền” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính.

B. Hàng.

C. Cột.

D. Bảng.

**Câu 28.** Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì:

- A. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN.
- B. Trường SOBH là trường có kiểu dữ liệu ngắn hơn.
- C. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số.
- D. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất.

**Câu 29.** Để làm việc với báo cáo, chọn đối tượng nào trong bảng chọn đối tượng?

- A. Forms.
- B. Queries.
- C. Reports.
- D. Tables.

**Câu 30.** Mô hình nào sau đây **không có** trong các mô hình dữ liệu đã học?

- A. Mô hình tập trung.
- B. Mô hình quan hệ.
- C. Mô hình phân cấp.
- D. Mô hình hướng đối tượng

**Câu 31.** Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (Mahs)

| Mahs | HoTen          | Ngaysinh     | Lop | Diachi    | Toan | Li | Hoa |
|------|----------------|--------------|-----|-----------|------|----|-----|
| 0001 | Tran Van Thanh | 1 - 2 - 1990 | 12A | Nội trú   | 10   | 9  | 8   |
| 0002 | Tran Van Thanh | 1 - 2 - 1990 | 12A | 20 Lê Lợi | 9    | 10 | 5   |
| 0003 | Tran Van Thanh | 1 - 2 - 1990 | 12B | Nội trú   | 7    | 7  | 7   |

Khoá chính của bảng là:

- A. Khoá chính = {Mahs}.
- B. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}.
- C. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}.
- D. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}.

**Câu 32.** Trong mô hình quan hệ, ràng buộc như thế nào được gọi là ràng buộc toàn vẹn thực thể (ràng buộc khoá)?

- A. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống nhưng được trùng nhau
- B. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống.
- C. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau.
- D. Kiểm soát việc nhập dữ liệu sao cho dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống, dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau để đảm bảo sự nhất quán dữ liệu.

**Câu 33.** Khi tạo liên kết cho các bảng, trường liên kết giữa các bảng phải đảm bảo:

- A. Giống nhau về tên trường và kiểu dữ liệu
- B. Chỉ cần giống nhau về kiểu dữ liệu
- C. Chỉ cần giống nhau về tên
- D. Có cùng kiểu dữ liệu

**Câu 34.** Cho bảng dữ liệu sau:

| Số thẻ | Mã số sách | Ngày mượn - trả |                |
|--------|------------|-----------------|----------------|
|        |            | Ngày mượn       | Ngày trả       |
| TV-02  | TO - 012   | 5 - 9 - 2007    | 30 - 9 - 2007  |
| TV-04  | TN - 103   | 12 - 9 - 2007   | 15 - 9 - 2007  |
| TV-02  | TN - 102   | 24 - 9 - 2007   | 5 - 10 - 2007  |
| TV-01  | TO - 012   | 12 - 10 - 2007  | 12 - 10 - 2007 |

Có các lí giải nào sau đây cho rằng bảng đó không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Số bản ghi quá ít.
- B. Có một cột thuộc tính là phức hợp.
- C. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt.
- D. Không có thuộc tính tên người mượn.

**Câu 35.** Khi mở một báo cáo, nó được hiển thị dưới dạng nào?

- A. Chế độ trang dữ liệu.
- B. Chế độ thiết kế.
- C. Chế độ biểu mẫu.
- D. Chế độ xem trước.

**Câu 36.** Trong các bước tạo báo cáo, ta **không** thể làm được việc gì trong những việc sau đây?

- A. Gộp nhóm dữ liệu.
- B. Chọn trường đưa vào báo cáo.
- C. Lọc những bản ghi thỏa mãn một điều kiện nào đó.
- D. Bố trí báo cáo và chọn kiểu trình bày.

**Câu 37.** Thao tác trên dữ liệu nào **không thể** thực hiện được?

- A. Xoá bản ghi.
- B. Sửa tên bảng.
- C. Sửa bản ghi.
- D. Thêm bản ghi.

**Câu 38.** Cho bảng dữ liệu sau:

| Số thẻ | Mã số sách | Ngày mượn      | Ngày trả       |
|--------|------------|----------------|----------------|
| TV-02  | TO - 012   | 5 - 9 - 2007   | 30 - 9 - 2007  |
|        | TN - 103   | 22 - 10 - 2007 | 25 - 10 - 2007 |
| TV-04  | TN - 103   | 12 - 9 - 2007  | 15 - 9 - 2007  |
| TV02   | TN - 102   | 24 - 9 - 2007  | 5 - 10 - 2007  |
| TV01   | TO - 012   | 5 - 10 - 2007  |                |

Bảng này không là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ, vì:

- A. Độ rộng các cột không bằng nhau.
- B. Có hai bản ghi có cùng giá trị thuộc tính số thẻ là TV - 02.
- C. Có bản ghi chưa đủ các giá trị thuộc tính.
- D. Một thuộc tính có tính đa trị.

**Câu 39.** Phát biểu nào trong các phát biểu sau là *sai* khi nói về miền?

- A. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau.
- B. Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text.
- C. Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên.
- D. Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền.

**Câu 40.** Để tính trung bình điểm toán theo tổ ta chọn hàm nào trong các hàm sau:

- A. SUM.
- B. AVG.
- C. COUNT.
- D. MIN.